



**anviet**  
Certified Public Accountants

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**  
[www.anvietcpa.com](http://www.anvietcpa.com)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hải Phòng, tháng 02 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Mai Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Khoa Năng Tuyên	Ủy viên
Ông Phạm Thế Hưng	Ủy viên
Ông Đặng Văn Hải	Ủy viên
Ông Lê Văn Thắng	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Khoa Năng Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Thế Hưng	Phó giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

**Khoa Năng Tuyên**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2017



Số: 19 /2017/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/02/2017, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
AN VIỆT

Nguyễn Thương  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0308-2015-055-1



Bùi Quốc Trung  
Kiểm toán viên  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1937-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.282.450.796</b>	<b>20.470.443.178</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.293.854.859</b>	<b>2.643.186.609</b>
1. Tiền	111	5	1.293.854.859	2.643.186.609
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.728.937.089</b>	<b>15.981.350.631</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.245.230.157	13.357.387.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.079.646.213	2.382.413.553
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	949.988.740	820.082.571
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(545.928.021)	(578.533.021)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.866.574.412</b>	<b>1.633.161.662</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.866.574.412	1.633.161.662
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>393.084.436</b>	<b>212.744.276</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	393.084.436	212.744.276
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.445.153.115</b>	<b>28.258.668.015</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000</b>	<b>500.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	500.000	500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.336.366.433</b>	<b>28.010.920.551</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	26.164.421.737	27.832.098.067
- Nguyên giá	222		46.459.330.099	48.303.612.906
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.294.908.362)	(20.471.514.839)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	171.944.696	178.822.484
- Nguyên giá	228		285.410.000	285.410.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.465.304)	(106.587.516)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>108.286.682</b>	<b>247.247.464</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	108.286.682	247.247.464
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>48.727.603.911</b>	<b>48.729.111.193</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU SỐ B01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.401.874.920</b>	<b>7.787.337.937</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.301.874.920</b>	<b>7.787.337.937</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	989.197.691	2.548.393.352
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	550.940.643	435.567.753
3. Phải trả người lao động	314		2.699.466.924	2.346.369.722
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		74.472.222	394.515.878
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	672.484.720	853.076.512
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	2.000.000.000	1.000.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		315.312.720	209.414.720
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.000.000</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	100.000.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.325.728.991</b>	<b>40.941.773.256</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>41.325.728.991</b>	<b>40.941.773.256</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.163.850.000	20.163.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.163.850.000	20.163.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.520.577.295	11.520.577.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.889.036.162	7.552.956.575
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.752.265.534	1.704.389.386
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.752.265.534	1.704.389.386
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>48.727.603.911</b>	<b>48.729.111.193</b>

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập



Vũ Thanh Tùng

Trưởng phòng kế toán



Phạm Thế Hưng

Giám đốc




Khoa Năng Tuyên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	99.184.087.206	91.115.736.953
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.184.087.206	91.115.736.953
4. Giá vốn hàng bán	11	21	90.425.984.141	81.106.008.553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.758.103.065	10.009.728.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	261.299.763	199.010.346
7. Chi phí tài chính	22		139.319.442	14.194.444
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		139.319.442	14.194.444
8. Chi phí bán hàng	25	23	3.448.004.777	3.002.912.360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.762.569.129	4.895.726.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.669.509.480	2.295.905.815
11. Thu nhập khác	31	24	740.705.561	161.169.646
12. Chi phí khác	32	25	206.533.124	254.729.505
13. Lợi nhuận khác	40		534.172.437	(93.559.859)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.203.681.917	2.202.345.956
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	451.416.383	497.956.570
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.752.265.534	1.704.389.386
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	869	667

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập



Vũ Thanh Tùng

Trưởng phòng kế toán



Phạm Thế Hưng

Giám đốc



Khoa Năng Tuyên



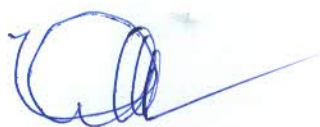
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MẪU SỐ B03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.203.681.917	2.202.345.956
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.278.235.936	3.061.791.075
- Các khoản dự phòng	03	(32.605.000)	357.814.720
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(594.714.891)	(71.224.846)
- Chi phí lãi vay	06	139.319.442	14.194.444
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.993.917.404	5.564.921.349
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.580.493.276)	(4.742.627.105)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(233.412.750)	(1.165.770.202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.782.976.975)	4.207.213.780
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.379.378)	56.510.452
- Tiền lãi vay đã trả	14	(128.041.664)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(468.457.203)	(295.403.992)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(494.605.481)	(407.940.445)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(735.449.323)</b>	<b>3.216.903.837</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.603.681.818)	(4.153.036.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	584.050.908	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.663.983	55.321.548
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(1.008.966.927)</b>	<b>(4.097.714.817)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.000.000.000	1.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(604.915.500)	(406.888.520)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>395.084.500</b>	<b>593.111.480</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(1.349.331.750)</b>	<b>(287.699.500)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>2.643.186.609</b>	<b>2.930.886.109</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>1.293.854.859</b>	<b>2.643.186.609</b>

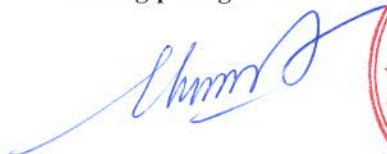
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập



Vũ Thanh Tùng

Trưởng phòng kế toán



Phạm Thế Hưng

Giám đốc



Khoa Năng Tuyên



**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000727 ngày 24/02/2004, thay đổi lần thứ 4 theo mã số doanh nghiệp là 0200577563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/5/2015.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 290, đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HCT.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ vận chuyển bằng phương tiện vận tải thủy, bộ; Kinh doanh xi măng, xăng dầu, vật tư, vật liệu xây dựng; Kinh doanh kho, bến bãi.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày



các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải

2008  
CỔ  
ÁCH N  
KIẾ  
AN  
BÁ TR



thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải	07 - 15

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng, bảo hiểm vật chất các phương tiện vận tải.

Công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian tối đa 03 năm; bảo hiểm vật chất các phương tiện vận tải được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trọng kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- (a) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
- (b) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;
- (c) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi, kỳ hạn, lãi suất áp dụng và theo thông báo của tổ chức tín dụng.



### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức quản lý Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.274.976.786	59.329.716
Tiền gửi ngân hàng	18.878.073	2.583.856.893
<b>Cộng</b>	<b><u>1.293.854.859</u></b>	<b><u>2.643.186.609</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.383.951.610	2.197.301.670
Công ty Cổ phần Vĩnh Thủy	3.056.579.430	3.185.712.470
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	6.346.579.015	5.031.310.536
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.289.774.500	-
Phải thu các khách hàng khác	4.168.345.602	2.943.062.852
<b>Cộng</b>	<b><u>17.245.230.157</u></b>	<b><u>13.357.387.528</u></b>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.383.951.610	2.197.301.670
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	6.346.579.015	5.031.310.536
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.289.774.500	-

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Trả trước cho người bán ngắn hạn là số tiền trả trước cho Xí nghiệp tiêu thụ - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng (Bên liên quan của Công ty).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>949.988.740</b>	<b>30.164.669</b>	<b>820.082.571</b>	<b>30.164.669</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	185.420.591	-	539.587.945	-
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (*)	55.251.285	-	-	-
Phải thu người lao động	50.314.223	30.164.669	41.588.927	30.164.669
Tạm ứng	268.616.459	-	238.905.699	-
Ký cược, ký quỹ	150.000.000	-	-	-
Phải thu khác	240.386.182	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>950.488.740</b>	<b>30.164.669</b>	<b>820.582.571</b>	<b>30.164.669</b>

(\*) Là phần chênh lệch giữa chi phí và doanh thu phát sinh từ hoạt động hợp tác khai thác tàu CFC 03 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tàu biển số 01/HDHTKDTB/CFC-HCT ngày 28/09/2015 và các Phụ lục của hợp đồng. Hình thức hợp tác là Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng giao tàu CFC 03 cho Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng khai thác và vận hành. Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng là bên đứng ra ký hợp đồng với khách hàng có nhu cầu vận tải, mở sổ kế toán theo dõi, quyết toán kết quả kinh doanh. Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng được hưởng 8% doanh thu từ hoạt động khai thác nói trên.

**Phải thu khác bên liên quan**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	185.420.591	539.587.945

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	604.327.968	-	480.707.328	-
Công cụ, dụng cụ	1.949.000	-	1.955.000	-
Hàng hoá	1.260.297.444	-	1.150.499.334	-
<b>Cộng</b>	<b>1.866.574.412</b>	<b>-</b>	<b>1.633.161.662</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>393.084.436</b>	<b>212.744.276</b>
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	226.668.602	212.744.276
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	166.415.834	-
<b>Dài hạn</b>	<b>108.286.682</b>	<b>247.247.464</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	108.286.682	211.775.464
Phí đường bộ	-	35.472.000
<b>Cộng</b>	<b>501.371.118</b>	<b>459.991.740</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09-DN

**11. NỢ XẤU**

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đức Minh	Trên 3 năm	155.068.352	-	(155.068.352)	Trên 3 năm	155.068.352	-	(155.068.352)
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh	Trên 3 năm	150.100.000	-	(150.100.000)	Trên 3 năm	162.100.000	-	(162.100.000)
Công ty TNHH MTV Quảng Tân	Trên 3 năm	65.500.000	-	(65.500.000)	Trên 3 năm	65.500.000	-	(65.500.000)
Bà Vũ Thị Thanh Vân	Trên 2 năm đến trên 3 năm	248.850.000	121.055.000	(127.795.000)	Từ 1-3 năm	275.000.000	126.600.000	(148.400.000)
Đối tượng khác	Trên 3 năm	47.464.669	-	(47.464.669)	Trên 3 năm	47.464.669	-	(47.464.669)
<b>Cộng</b>		<b>666.983.021</b>	<b>121.055.000</b>	<b>(545.928.021)</b>		<b>705.133.021</b>	<b>126.600.000</b>	<b>(578.533.021)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	1.596.176.543	36.015.325	46.671.421.038	48.303.612.906
Mua trong năm	-	-	1.603.681.818	1.603.681.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.447.964.625)	(3.447.964.625)
Tại ngày 31/12/2016	1.596.176.543	36.015.325	44.827.138.231	46.459.330.099
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	1.123.386.396	2.801.190	19.345.327.253	20.471.514.839
Khấu hao trong năm	53.373.216	2.401.020	3.215.583.912	3.271.358.148
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.447.964.625)	(3.447.964.625)
Tại ngày 31/12/2016	1.176.759.612	5.202.210	19.112.946.540	20.294.908.362
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	472.790.147	33.214.135	27.326.093.785	27.832.098.067
Tại ngày 31/12/2016	419.416.931	30.813.115	25.714.191.691	26.164.421.737
<i>Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao đang sử dụng</i>	662.657.883	-	6.839.728.247	7.502.386.130



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	285.410.000
Mua trong năm	-
Tại ngày 31/12/2016	<u>285.410.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	106.587.516
Khấu hao trong năm	6.877.788
Tại ngày 31/12/2016	<u>113.465.304</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2016	<u>178.822.484</u>
Tại ngày 31/12/2016	<u><u>171.944.696</u></u>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Tân Hoàng An	280.706.466	280.706.466	1.149.666.241	1.149.666.241
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Tân Tiến	376.400.000	376.400.000	236.607.800	236.607.800
Phải trả các đối tượng khác	332.091.225	332.091.225	1.162.119.311	1.162.119.311
<b>Cộng</b>	<u>989.197.691</u>	<u>989.197.691</u>	<u>2.548.393.352</u>	<u>2.548.393.352</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	49.790.870	52.771.960
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	47.300.000

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	291.200.218	2.469.897.885	2.341.351.346	419.746.757
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.133.277	451.416.383	468.457.203	115.092.457
Thuế thu nhập cá nhân	12.234.258	53.443.356	49.576.185	16.101.429
Các loại thuế khác	-	864.479.000	864.479.000	-
<b>Cộng</b>	<u>435.567.753</u>	<u>3.839.236.624</u>	<u>3.723.863.734</u>	<u>550.940.643</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>672.484.720</b>	<b>853.076.512</b>
Kinh phí công đoàn	9.687.300	-
Bảo hiểm y tế	7.374.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	408.873.980	407.555.380
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	-	266.965.322
Các khoản phải trả, phải nộp khác	246.549.440	178.555.810
<b>Dài hạn</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>
Nhận ký cược, ký quỹ	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>772.484.720</u></b>	<b><u>853.076.512</u></b>

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2016		Phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	1.000.000.000	1.000.000.000	9.000.000.000	8.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>	<b><u>9.000.000.000</u></b>	<b><u>8.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>

Khoản vay tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng theo Hợp đồng tín dụng - khách hàng doanh nghiệp số 04/2016/HĐHMTD/CFC-HCT ngày 03/11/2016, hạn mức tín dụng là 5 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 03/11/2016. Thời hạn vay là 4 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho khoản vay nói trên là 7%/năm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	20.163.850.000	11.520.577.295	7.552.956.575	1.164.092.264	40.401.476.134
Lãi trong năm	-	-	-	1.704.389.386	1.704.389.386
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.164.092.264)	(1.164.092.264)
Tại ngày 01/01/2016	<u>20.163.850.000</u>	<u>11.520.577.295</u>	<u>7.552.956.575</u>	<u>1.704.389.386</u>	<u>40.941.773.256</u>
Lãi trong năm	-	-	-	1.752.265.534	1.752.265.534
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	336.079.587	(1.704.389.386)	(1.368.309.799)
Tại ngày 31/12/2016	<u>20.163.850.000</u>	<u>11.520.577.295</u>	<u>7.889.036.162</u>	<u>1.752.265.534</u>	<u>41.325.728.991</u>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2016, lợi nhuận sau thuế năm 2015 được phân phối như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền: 360.117.299 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 336.079.587 đồng
- Cổ tức trả bằng tiền mặt 5% tương đương với 1.008.192.500 đồng, số đã trả đến thời điểm 31/12/2016 là 604.915.500 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	10.860.400.000	10.860.400.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.303.450.000	9.303.450.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.163.850.000</u></b>	<b><u>20.163.850.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.163.850.000	20.163.850.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	20.163.850.000	20.163.850.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.008.192.500	806.554.000

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.016.385	2.016.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.016.385	2.016.385
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.016.385	2.016.385
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.016.385	2.016.385
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.016.385	2.016.385
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**19. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán bao gồm tài sản nhận giữ hộ là tàu CFC03 theo theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tàu biển số 01/HDHTKDTB/CFC-HCT ngày 28/09/2015 và các Phụ lục của hợp đồng – Xem thêm Thuyết minh số 08, mục (\*).

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	64.818.873.358	49.264.528.875
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.365.213.848	41.851.208.078
<b>Cộng</b>	<b><u>99.184.087.206</u></b>	<b><u>91.115.736.953</u></b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>99.184.087.206</u></b>	<b><u>91.115.736.953</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	22.022.122.152	29.714.339.266
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	2.107.000.001	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	5.613.929.867	7.658.525.361
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	16.727.272	8.636.364
Trường trung cấp nghề Xi măng	15.181.817	1.818.182

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	60.810.883.714	46.177.908.078
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.615.100.427	34.928.100.475
<b>Cộng</b>	<b>90.425.984.141</b>	<b>81.106.008.553</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.663.983	71.224.846
Chiết khấu thanh toán	250.635.780	127.785.500
<b>Cộng</b>	<b>261.299.763</b>	<b>199.010.346</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.795.174.129</b>	<b>4.895.726.127</b>
Chi phí nhân viên	2.033.521.175	1.967.928.546
Chi phí vật liệu quản lý	164.807.858	235.851.383
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	123.911.844	90.033.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.658.260	166.641.792
Thuế, phí lệ phí	173.972.191	156.821.646
Chi phí dự phòng	-	148.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.742.282	262.806.094
Chi phí bằng tiền khác	923.560.519	1.867.243.364
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.448.004.777</b>	<b>3.002.912.360</b>
Chi phí nhân viên	1.514.850.151	1.336.584.667
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	548.697.739	309.147.998
Chi phí dụng cụ, đồ dùng khâu tiêu thụ	30.692.278	19.696.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	444.346.238	151.204.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.041.759	951.607.580
Chi phí bằng tiền khác	340.376.612	234.671.197
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(32.605.000)</b>	<b>-</b>
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(32.605.000)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền bồi thường	111.602.000	132.600.000
Thanh lý tài sản cố định	584.050.908	-
Các khoản khác	45.052.653	28.569.646
<b>Cộng</b>	<b>740.705.561</b>	<b>161.169.646</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí trực vớt tàu	121.818.182	170.000.000
Các khoản khác	84.714.942	84.729.505
<b>Cộng</b>	<b>206.533.124</b>	<b>254.729.505</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.203.681.917	2.202.345.956
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	53.400.000	61.093.000
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>2.257.081.917</b>	<b>2.263.438.956</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>451.416.383</b>	<b>497.956.570</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.752.265.534	1.704.389.386
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.752.265.534	1.704.389.386
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	360.117.299
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.016.385	2.016.385
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>869</b>	<b>667</b>

(\*): Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 số tiền 360.117.299 đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2016 (Thuyết minh số 18). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.307.443.732	8.032.683.710
Chi phí nhân công	12.730.494.800	12.507.468.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.278.235.936	3.061.791.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.854.030.785	12.503.355.815
Chi phí khác	5.587.876.070	6.721.440.283
<b>Cộng</b>	<b>36.758.081.323</b>	<b>42.826.738.962</b>

**29. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Cổ đông chiếm 53,86% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Trường trung cấp nghề Xi măng	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Viện công nghệ Xi măng Vicem	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	60.920.681.824	47.690.419.985
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	5.548.388	227.640.428
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	169.420.311	120.421.218
<b>Chiều khấu thanh toán được hưởng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	250.635.780	127.785.500
<b>Thu nhập của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành</b>	<b>868.435.358</b>	<b>848.119.213</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 04.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2016</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.293.854.859	2.643.186.609
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.120.638.681	13.360.531.379
<b>Cộng</b>	<b>18.414.493.540</b>	<b>16.003.717.988</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.498.071.671	3.401.469.864
Chi phí phải trả	74.472.222	394.515.878
Công nợ tài chính khác	315.312.720	209.414.720
<b>Cộng</b>	<b>3.887.856.613</b>	<b>5.005.400.462</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ tài chính ban hành để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016 là 545.928.021 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 578.533.021 đồng).

#### Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Các khoản vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.398.071.671	100.000.000	1.498.071.671
Chi phí phải trả	74.472.222	-	74.472.222
Công nợ tài chính khác	209.414.720	-	209.414.720
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.401.469.864	-	3.401.469.864
Chi phí phải trả	394.515.878	-	394.515.878
Công nợ tài chính khác	209.414.720	-	209.414.720

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.293.854.859	-	1.293.854.859
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.120.638.681	-	17.120.638.681
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.643.186.609	-	2.643.186.609
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.360.531.379	-	13.360.531.379

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Người lập

Vũ Thanh Tùng

Trưởng phòng kế toán

Phạm Thế Hưng

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Khoa Năng Tuyên



# Partnering for **Success**

## **ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:**

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

**E** [anviet@anvietcpa.com](mailto:anviet@anvietcpa.com)  
**T** (84-4) 6278 2904  
**F** (84-4) 6278 2905

---

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

**E** [anviet.hn@anvietcpa.com](mailto:anviet.hn@anvietcpa.com)  
**T** (84-4) 3795 8705  
**F** (84-4) 3795 8677

---

**Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng  
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

**E** [anviet.hp@anvietcpa.com](mailto:anviet.hp@anvietcpa.com)  
**T** (84-31) 3842 430  
**F** (84-31) 3842 433

